

Số: 28/2023/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 7 Điều 48; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S, địa chỉ trụ sở: số 266 - 268 K, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nhận các văn bản tổng đạt của Tòa án: Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quảng Ninh, số 607, đường L, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- **Người đại diện theo pháp luật:** bà D, chức vụ: Tổng giám đốc.

- **Người đại diện theo ủy quyền:** ông V, là chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quảng Ninh.

* **Bị đơn:** ông T, sinh năm 1981 và bà Đ, sinh năm 1987; đều cư trú tại: tổ 24, khu 2B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chấm dứt hợp đồng tín dụng số LD1926300054 ngày 23/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông T và bà Đ.

- Về nghĩa vụ trả nợ:

Ông T và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP S nợ gốc, nợ lãi (tạm tính đến hết ngày 05/9/2023) là 258.964.380 đồng. Trong đó: nợ gốc là 209.991.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.514.506 đồng, nợ lãi quá hạn là 16.914.734 đồng, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn là 2.544.140 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 06/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông T và bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD1926300054 ngày 23/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông T và bà Đ.

- Về phương pháp trả nợ: ông T và bà Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tổng số nợ gốc và nợ lãi là 258.964.380 đồng, theo phương pháp sau:

- + Lần 1: từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023 trả nợ gốc 2.000.000đ/1 tháng
- + Lần 2: từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023 trả nợ gốc 3.000.000đ/1 tháng
- + Lần 3: từ tháng 01/2024 đến tháng 03/2024 trả nợ gốc 10.000.000đ/1 tháng
- + Lần 4: từ tháng 4/2024 đến tháng 7/2024 trả nợ gốc 20.000.000đ/1 tháng
- + Lần 5: tháng 8/2024 trả nợ gốc 30.000.000 đồng
- + Lần 6: tháng 9/2024 trả nợ gốc còn lại là 54.991.000 đồng, trả toàn bộ số nợ lãi chậm trả (nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả lãi trong hạn) tạm tính đến ngày 05/9/2023 là: 48.973.380 đồng và trả toàn bộ số nợ lãi phát sinh (theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên) trên số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày 06/9/2023 cho đến thời điểm ông T và bà Đ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông, bà T - Đ thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ lần trả nợ nào theo phương pháp trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô tải pick up cabin kép, nhãn hiệu Ford, số loại Ranger, mang biển kiểm soát số 14A-222.83, chứng nhận đăng ký xe ô tô số 071617 do Phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25/11/2015 mang tên T (thể hiện tại hợp đồng thế chấp tài sản số LD1926300054/HĐTC ngày 23/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông T và bà Đ) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp sau khi đã xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm mà số tiền không đủ trả nợ thì ông, bà T - Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T và bà Đ liên đới chịu 3.237.054đ (ba triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng). Ngân hàng TMCP S chịu 3.237.054đ (ba triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi bốn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 6.100.000đ (sáu triệu, một trăm nghìn đồng) ngân hàng đã nộp theo Biên lai

thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001633 ngày 27/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại Ngân hàng TMCP S số tiền còn lại là 2.862.946đ (hai triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, chính trăm bốn mươi sáu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng